

Bản án số: 114 / 2020 /DS-PT

Ngày: 26 - 5 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Bà Trần Thị Kim Em

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DSST ngày 28-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 166/2019/QĐ-PT ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ H, ấp M, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị Mỹ H sinh năm 1979 (là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22/8/2018).

Địa chỉ: số 19/8A Lê Thị Hồng G, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị H1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: tổ S, ấp H, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị H1: Ông Lê Văn S, sinh năm 1965 (là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2018).

Địa chỉ: số 456/1 Nguyễn Thị T, phường S, thành phố M, Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn V sinh năm 1967 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị L1 sinh năm 1967(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp B, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Đoàn Thị Hồng T: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 15/10/2018).

Địa chỉ: số 196/17, ấp M, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Lê Văn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ H, ấp M, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Thị Kim T1, sinh năm 1973(vắng mặt).

Địa chỉ : số 436, đường B, phường H, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Trần Ngọc T2, sinh năm 1976(vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, Ấp H, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Thị Huyền T3, sinh năm 1992(có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ S, ấp H, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà L có cho bà H1 vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 29/9/2016 Al vay 129.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ thời hạn trả là 06 tháng, lãi suất 8%/ tháng.

Ngày 25/9/2016 Al vay 2.000.000 đồng, ngày 26/9/2016 Al vay 9.000.000 đồng và ngày 29/9/2016 Al vay tiếp 3.000.000 đồng, ngày 01/10/2016 Al vay 6.200.000 đồng.

Tất cả các khoản trên không viết biên nhận nên bà H1 ghi vào biên nhận ngày 29/9/2016 Al có vay thêm 20.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay trong biên nhận ngày 29/9/2016 Al là 149.200.000 đồng.

- Ngày 17/10/2016 Al vay 225.000.000 đồng, bà H1 hứa 09 tháng sẽ trả, có ghi biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 8%/ tháng.

- Ngày 14/01/2018 Al bà H1 vay thêm 53.500.000 đồng, để ràng buộc trách nhiệm bà L có nói với bà H1 là mượn tiền của ông Lê Văn V và bà Trần Thị L1 số tiền 53.500.000 đồng, thời hạn trả là 90 ngày, lãi suất 8%/ tháng, nhưng thực tế số tiền 53.500.000 đồng là tiền của bà L.

Tổng cộng bà H1 vay bà L số tiền vốn là 427.700.000 đồng, chưa trả vốn lãi.

Nay bà L yêu cầu bà H1 trả số tiền vốn gốc là 427.700.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất từ khi viết biên nhận đến khi xét xử sơ thẩm như sau:

- Đối với số tiền ngày 29/9/2016 Al (tháng 10/2016) vay 149.200.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 129.000.000 đồng, tính lãi 29 tháng trong đó tiền lãi trong hạn 06 tháng, lãi suất 0,75%/ tháng x 06 tháng = 5.805.000 đồng, tiền lãi quá hạn 23 tháng lãi suất 1,125%/tháng là 27.186.750 đồng, tổng cộng lãi là 32.991.750 đồng.

- Số tiền vay ngày 17/10/2016 Al vay 225.000.000 đồng, tính lãi 25 tháng, trong đó lãi trong hạn 09 tháng, lãi suất 0,75%/tháng x 9 tháng = 15.187.500 đồng, lãi quá hạn 16 tháng lãi suất 1,125%/tháng là 38.390.000 đồng, tổng cộng lãi là 53.578.125 đồng.

- Số tiền vay ngày 14/01/2018 Al (tháng 03/2018) số tiền 53.500.000 đồng, tính lãi đến nay là 08 tháng lãi suất 1,66%/tháng lãi là 7.667.263 đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn 427.700.000 đồng và tiền lãi 94.227.138 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 521.937.138 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Võ Thị H1 và ông Lê Văn S là đại diện theo ủy quyền của bà H1 trình bày:

Bà H1 nhiều lần vay tiền của bà L với lãi suất là 20%/tháng, bà H1 đã đóng lãi được 130.000.000 đồng, không làm giấy tờ. Cuối tháng 11/2014 bà H1 không có khả năng trả lãi cho bà L. Vì vậy bà L có cộng dồn tiền vay vốn và lãi là 225.000.000 đồng, bà H1 ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 29/9/2016 AL, sau đó ghi lại biên nhận tháng 10/2016. Các biên nhận do bà L cung cấp bà H1 có ký tên và ghi họ tên nhưng thực tế bà H1 nợ bà L số tiền 225.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2018 Al bà H1 vay thêm của bà L số tiền 53.500.000 đồng (biên nhận ghi 53.515.000 đồng). Tổng cộng bà H1 nợ bà L số tiền 278.500.000 đồng. Bà H1 chơi hụi do bà Đoàn Thị Hồng T làm chủ, bà L có nhận tiền hụi của bà H1 hốt hụi do bà T giao tiền cho bà L nhận tiền của 14 dây hụi gồm: 05 dây hụi 1.000.000 đồng, 05 dây hụi 2.000.000 đồng và 04 dây hụi 3.000.000 đồng, những dây hụi trên bà H1 hốt hụi nhưng bà L nhận tiền của bà T không làm giấy tờ hốt với số tiền là 118.985.000 đồng, cần trừ số tiền hụi bà L nhận tiền hụi của bà H1 thì bà H1 còn nợ bà L số tiền 159.515.000 đồng.

Bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vốn 159.515.000 đồng, trong đó: số tiền 53.500.000 đồng đồng ý trả lãi theo mức lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2015; số tiền còn lại đồng ý trả lãi với mức lãi suất theo mức lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005 và xin được trả dần hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Hồng T và chị Nguyễn Thị Thu S - đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Bà H1 chơi hụi do bà T làm chủ hụi như ông S trình bày, nhưng những phần hụi bà H1 đã hốt thì bà T đã giao tiền cho bà H1, không có giao tiền hụi cho bà L, đối với vụ việc tranh chấp giữa bà L và bà H1 thì bà T không có ý kiến, không có yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn V và bà Trần Thị

L1 cùng trình bày:

Số tiền 53.500.000 đồng bà H1 vay bà L ngày 14/01/2018 âm lịch là tiền của bà L không phải của ông bà, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D trình bày:

Ngày 17/10/2016 Al ông nghe bà Võ Thị H1 có nói vay của vợ ông là bà Nguyễn Thị L số tiền 248.000.000 đồng, xin trả trong thời hạn 09 tháng để thanh toán nợ đáo hạn Ngân hàng, nhưng do không đủ tiền nên bà L chỉ cho bà H1 vay số tiền 225.000.000 đồng, do bà H1 viết biên nhận bôi xóa nên nhờ ông viết giùm biên nhận cho bà H1 ký. Do không nghe rõ nên ông viết số tiền 248.000.000 đồng nên ông sửa lại 225.000.000 đồng, bà H1 ký tên và ghi họ tên bên dưới của biên nhận.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 163, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bà Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị L số tiền vốn 427.700.000 đồng và tiền lãi 94.237.138 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 521.937.138 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị H1 chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị H1.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.110.880 đồng theo biên lai số 0013108 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/01/2019, bị đơn bà Võ Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 149.200.000 đồng và số tiền 53.500.000 đồng; yêu cầu trừ số tiền hui 118.985.000 đồng và tiền lãi 21.773.000 đồng vào khoản nợ mà bà H1 phải trả cho bà L, chấp nhận cho bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền là 123.953.000 đồng, gồm tiền vay gốc là 106.015.000 đồng và tiền lãi là 17.938.000 đồng, đề nghị cho bà H1 được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng.

* Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Lê Văn S là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Võ Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà H1 trả cho bà L tổng số tiền là 123.953.000 đồng (gồm tiền vay gốc là 106.015.000 đồng và tiền lãi là 17.938.000 đồng), đề nghị được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H1 có cơ sở chấp nhận một phần, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Văn V, Trần Thị L1, Lê Văn D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Thu S là đại diện ủy quyền của chị Đoàn Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L khởi kiện bị đơn là bà Võ Thị H1 yêu cầu trả số tiền vay vốn tổng cộng là 427.700.000 đồng và tiền lãi tổng cộng các khoản vay là 94.237.138 đồng theo các biên nhận thể hiện các lần vay như sau:

1/ Ngày 29/9/2016 Al vay 129.000.000 đồng.

Ngày 25/9/2016 Al vay 2.000.000 đồng, ngày 26/9/2016 Al vay 9.000.000 đồng và ngày 29/9/2016 Al vay tiếp 3.000.000 đồng, ngày 01/10/2016 Al vay 6.200.000 đồng được ghi thêm vào biên nhận ngày 29/9/2016 AL, thành tổng cộng số tiền vay là 149.200.000 đồng.

2/ Ngày 17/10/2016 Al vay 225.000.000 đồng,

3/ Ngày 14/01/2018 Al vay thêm 53.500.000 đồng

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà H1 trả bà L số tiền vốn 427.700.000 đồng và tiền lãi 94.237.138 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 521.937.138 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Thị H1 xét thấy:

- Đối với khoản vay ngày 17/10/2016 Al với số tiền 225.000.000 đồng, bà H1 thừa nhận có ký tên vào biên nhận và có nợ bà L số tiền trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 trả cho bà L số tiền này là có căn cứ.

Về tiền lãi khoản vay này, theo bà L trình bày cho vay lãi suất 8%/tháng, thời hạn vay 9 tháng, còn bà H1 trình bày số tiền 225.000.000 đồng là tổng cộng số tiền vốn và lãi mà bà H1 đã vay của bà L từ năm 2014, do không có tiền trả vốn và lãi nên bà H1 mới viết biên nhận mượn số tiền 225.000.000 đồng và cam kết trả tiền cho bà L trong thời hạn 9 tháng, không có tính lãi.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính lãi 9 tháng trong hạn lãi suất 0,75% với số tiền lãi là 15.187.500 đồng và lãi quá hạn 16 tháng với lãi suất 1,125%/tháng với số tiền lãi là 38.390.000 đồng là chưa phù hợp pháp luật; bởi lẽ các bên trình bày không thống nhất phía bà L cho rằng đây là khoản vay lãi suất 8%/tháng, bà H1 cho rằng không có tính lãi, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung biên nhận nêu trên không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận trong thời hạn 9 tháng sẽ trả số tiền trên, do đó xác định khoản vay này không có lãi suất và căn cứ khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 thì bà H1 chỉ phải trả lãi cho bà L kể từ thời điểm quá hạn là 16 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm (0,75%/tháng), cụ thể tiền lãi được tính là 16 tháng x 0,75%/tháng x 225.000.000 đồng là 27.000.000 đồng, nên cần buộc bà H1 trả cho bà L số tiền lãi của khoản vay này là 27.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay theo biên nhận ngày 29/9/2016 AL, bà L yêu cầu bà H1 trả số tiền gốc là 149.200.000 đồng và tiền lãi đối số tiền 129.000.000 đồng; bà L có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận, trong đó 01 biên nhận bản pho to có hai mặt và 01 biên nhận bản chính mặt trước có thể hiện nội dung, mặt sau được dán trên bìa tập học sinh nên không thể hiện nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn thừa nhận biên nhận bản pho to được chụp từ biên nhận bản chính, lý giải trước khi nộp bản chính cho Tòa án cấp sơ thẩm do sợ rách biên nhận nên bà L có dán mặt sau biên nhận lên bìa tập học sinh và theo 02 biên nhận trên thì bà H1 có vay của bà L số tiền là 149.200.000 đồng.

Không đồng ý, đại diện bị đơn cho rằng căn cứ biên nhận bản pho to nêu trên, thì mặt trước thể hiện bà H1 vay tiền của bà L như sau ngày 29/9/2016 AL vay 129.000.000 đồng, ngày 25/9/2016 AL vay 2.000.000 đồng, ngày 26/9/2016 AL vay 9.000.000 đồng và ngày 29/9/2016 AL vay tiếp 3.000.000 đồng và mặt sau của biên nhận ghi tổng cộng là 143.000.000 đồng, vay thêm 62.000.000 đồng và mượn thêm 20.000.000 đồng, như vậy biên nhận trên thể hiện số tiền các lần vay cộng lại là 225.000.000 đồng đúng với số tiền 225.000.000 đồng mà bà H1 và bà L đã tổng kết số nợ theo biên nhận 17/10/2016 AL, do tin tưởng nên khi bà H1 ký biên nhận ngày 17/10/2016 AL bà H1 không yêu cầu bà L đưa lại biên nhận ngày 29/9/2016 AL, do số tiền 149.200.000 đồng mà bà L yêu cầu bà H1 trả đã được tính vào số tiền 225.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/10/2016 AL nên bà H1 không đồng ý trả số tiền 149.200.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của L.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bà H1 trả cho bà L số tiền 149.200.000 đồng và tiền lãi là 32.991.750 đồng là chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn thừa nhận biên nhận bản pho to ngày 29/9/2016 AL nộp cho Tòa án được chụp từ bản chính biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, căn cứ vào nội dung biên nhận bản pho to thấy rằng tổng số tiền trong biên nhận thể hiện bà H1 có nợ bà L là 225.000.000 đồng đúng với số tiền 225.000.000 đồng theo biên nhận vay

ngày 17/10/2016 Al nêu trên như đại diện bị đơn trình bày và đại diện bị đơn cho rằng số tiền các lần vay theo biên nhận bản pho to ngày 29/9/2016 Al được cộng lại là 225.000.000 đồng nên bà H1 có viết lại biên nhận nợ tổng cộng số tiền còn nợ bà L là 225.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/10/2016 Al là có căn cứ.

Xét thấy đại diện nguyên đơn cho rằng biên nhận nêu trên thể hiện ngày 29/9/2016 Al vay 129.000.000 đồng, ngày 25/9/2016 Al vay 2.000.000 đồng, ngày 26/9/2016 Al vay 9.000.000 đồng và ngày 29/9/2016 Al vay tiếp 3.000.000 đồng, ngày 01/10/2016 Al vay 6.200.000 đồng được ghi thêm vào biên nhận ngày 29/9/2016 AL, thành tổng cộng số tiền vay là 149.200.000 đồng, nên bà L yêu cầu bà H1 trả số tiền 149.200.000 đồng; xét thấy lời trình bày của đại diện nguyên đơn như trên là chưa phù hợp bởi lẽ khoản vay 01/10/2016 Al theo biên nhận bản pho to thể hiện là 62.000.000đ (không phải là 6.200.000đ như đại diện nguyên đơn trình bày), nên lời trình bày của đại diện nguyên đơn chưa phù hợp với nội dung biên nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

Do đó phía bà H1 kháng cáo cho rằng số tiền 149.200.000đ đã được tính vào số tiền 225.000.000đ theo biên nhận ngày 17/10/2016 Al nên không đồng ý trả số tiền trên và tiền lãi cho bà L là có căn cứ chấp nhận.

- Đối với khoản vay ngày 14/01/2018 Al số tiền 53.500.000 đồng, quá trình giải quyết sơ thẩm tại hai phiên hòa giải vào các ngày 15/10/2018 và 19/10/2018 đại diện ủy quyền bà H1 thừa nhận là bà H1 có vay của bà L số tiền 53.500.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 trả cho bà L số tiền 53.500.000 đồng là có căn cứ; bà H1 kháng cáo cho rằng không có vay và có yêu cầu giám định chữ ký của bà trong tờ biên nhận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm có trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an 02 lần và kết luận 02 lần giám định vào ngày 28/10/2019 và ngày 02/01/2020 kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký của bà H1 trong tờ biên nhận ngày 14/01/2018 AL so với chữ ký trong các mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời thừa nhận của đại diện bị đơn tại hai phiên hòa giải vào các ngày 15/10/2018 và 19/10/2018 xác định bà H1 có vay bà L số tiền 53.500.000 đồng, bà H1 kháng cáo cho rằng bà H1 không có nợ bà L khoản vay này nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

Về tiền lãi khoản vay này, theo bà L trình bày cho vay lãi suất 8%/tháng, thời hạn vay 3 tháng; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính từ thời điểm vay đến khi xét xử sơ thẩm 08 tháng với lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi 7.667.263 đồng là chưa phù hợp pháp luật; bởi lẽ căn cứ vào nội dung biên nhận nêu trên không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận trong thời hạn 3 tháng sẽ trả số tiền trên, do đó xác định khoản vay này không có lãi và căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì bà H1 chỉ phải trả lãi cho bà L kể từ thời điểm quá hạn là 5 tháng với lãi suất là 0,83%/tháng (5 tháng x 0,83%/tháng x 53.500.000đ) là 2.220.250 đồng, nên cần buộc bà H1 trả cho bà L số tiền lãi của khoản vay này là 2.220.250 đồng.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà H1 yêu cầu khấu trừ số tiền hụi 118.985.000 đồng và tiền lãi 21.773.000 đồng vào khoản nợ mà bà H1 phải trả cho bà L; xét thấy số tiền hụi trên bà H1 tham gia chơi hụi do chị Đoàn Thị Hồng T làm chủ hụi, bà H1 cho rằng khi hốt tiền hụi nêu trên đã đưa cho bà L để khấu trừ nợ, tuy nhiên phía bà L không thừa nhận có nhận số tiền hụi trên, đồng thời bà T trình bày khi giao tiền hụi là giao trực tiếp cho bà H1, không có giao cho bà L; ngoài ra bà H1 không có chứng cứ chứng minh là bà L có nhận số tiền trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khấu trừ khoản tiền trên vào số nợ bà H1 phải trả cho bà L là có căn cứ.

Từ phân tích trên, xét thấy nội dung kháng cáo của bà H1 có cơ sở chấp nhận một phần, nên sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà H1 trả cho bà L tiền vốn các lần vay là 278.500.000 đồng (225.000.000 đồng + 53.500.000 đồng) và tiền lãi 29.220.250 đồng (27.000.000 đồng + 2.220.250 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 307.720.250 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị H1 được chấp nhận một phần, nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

- Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối phần yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể chịu án phí 5% đối với số tiền vốn và lãi 214.216.888 đồng không được chấp nhận là 10.710.800 đồng.

- Bà H1 phải chịu án phí 5% đối với số tiền vốn và lãi phải trả cho bà L 307.720.250 đồng là 15.386.000 đồng, do bà H1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 163, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Thị H1

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bà Võ Thị H1 có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị L số tiền vốn 278.500.000 đồng và tiền lãi 29.220.250 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 307.720.250 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị H1 chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.710.800 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 13.110.880 đồng theo biên lai số 0013108 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên bà L được hoàn lại 2.400.080 đồng.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.M;
- THADS Tp.M;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình